

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST.

Ngày: 10 - 8 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Vũ Thị Bền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52a/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/2024/TB-TA ngày 30 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/2024/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Tr - sinh năm: 1991 tại thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ông Bùi Văn Th - sinh năm: 1950 và bà Phạm Thị T - sinh năm: 1959. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2013/HSST ngày 24/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr 07 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tr chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2014, nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/02/2014. Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số: 203/QĐ-XPVPHC ngày 12/8/2016 của Công an huyện TK, tỉnh Hải Dương phạt Tr 2.000.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác. Tr nộp tiền phạt ngày 07/9/2016.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 60/LB-CSĐT ngày 07/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Văn Th - sinh năm: 1987 tại thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn D (*tên gọi khác Trịnh Xuân D*) - sinh năm: 1944 và bà Đoàn Thị Đ - sinh năm: 1941. Vợ: chị Vũ Thị N - sinh năm: 1988 (*đã ly hôn*). Bị cáo có 01 con, sinh năm: 2010. Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt Th 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội: "*Đánh bạc*", thời gian tính từ ngày UBND xã HK, huyện TK nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, khấu trừ 07% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng dùng vào việc đánh bạc. Th chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/07/2022, chưa nộp tiền án phí, chưa nộp tiền phạt bổ sung, chưa nộp số tiền tịch thu sử dụng vào việc đánh bạc, chưa nộp tiền khấu trừ thu nhập 7% trong thời gian cải tạo không giam giữ. Tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 61/LB-CSĐT ngày 07/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thế A, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1955.
2. Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1977.
3. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm: 1977.
4. Chị Hà Thị H, sinh năm: 1987.
5. Bà Đặng Thị Ng, sinh năm: 1971.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Tr, Trịnh Văn Th và Nguyễn Thế A ở cùng thôn, quen biết nhau. Do là người hay sử dụng ma túy tổng hợp (*ma túy đá*) từ năm 2020 nên khoảng giữa tháng 02/2023, Tr đến khu vực đường tàu thuộc thành phố Hải Phòng gặp và mua của 01 người nam giới (*không rõ tên địa chỉ*) ma túy đá đựng trong một coóng bằng thủy tinh với giá 200.000 đồng. Sau đó, Tr mang về nhà sử dụng một phần, số ma túy còn lại trong coóng thủy tinh, Tr cất vào chiếc ba lô để ở hiên nhà. Khoảng 20 giờ 00' ngày 01/11/2023, Tr sử dụng điện thoại Iphone 6 Plus, lắp sim số 0936.553.275, đăng nhập vào tài khoản Zalo

tên “Tr Nagoya” nhắn đến tài khoản Zalo “Thế A” của Thế A hỏi Thế A đang ở đâu thì Thế A trả lời đang ở nhà thuê trọ của Th ở thôn HH, xã HK (Th thuê phòng trọ của bà Nguyễn Thị V). Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Tr mang theo coóng chứa ma túy đi đến phòng trọ của Th. Khi đến nơi, Th ra mở cổng, Tr đi vào phòng trọ thấy Thế A đang ở đó. Tr bỏ chiếc coóng chứa ma túy trong túi quần ra và rủ Thế A sử dụng ma túy, Thế A đồng ý. Tr lấy 01 chai nhựa, trên nắp chai có cắm 01 ống hút dài 27cm và 01 ống hút dài khoảng 13cm có băng dính màu đen có sẵn tại phòng trọ của Th rồi quấn băng dính màu đen trên đoạn ống hút dài 13cm nối với chiếc coóng, rồi Tr lấy 01 chiếc bật lửa màu đen có sẵn trong phòng hơi nóng ma túy trong coóng tạo khói và đưa cho Thế A sử dụng. Thế A cầm ống hút ma túy trực tiếp bằng đường miệng vào cơ thể. Lúc này, Th đi vào, Tr nói với Th “Anh làm khói”, Th đồng ý. Tr cầm bật lửa hơi nóng bầu coóng, tạo khói và đưa Th sử dụng, rồi Thế A và Tr sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Tr ra về. Khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, khi Thế A, Th ngồi chơi tại phòng trọ của Th thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện TK kiểm tra phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ cùng vật chứng gồm: 01 chai nhựa màu trắng, dán tem nhãn “BELMONS”, kích thước (25x6,5)cm, nắp chai nhựa màu trắng được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng dài 27cm, một lỗ gắn ống hút nhựa dài 13cm, đầu phía ngoài ống hút nhựa dài 13cm được nối với một bầu coóng thủy tinh hình chữ “L”, một cạnh dài 13cm, một cạnh dài 3,5cm, bên trong bầu coóng có bám dính các hạt tinh thể màu trắng, 01 bật lửa gas màu đen, 01 điện thoại iPhone 6S Plus, vỏ màu xám, lắp sim số 0966.960.113, 01 xe máy Yamaha Sirius, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-018.60 của Trịnh Văn Th, 01 điện thoại iPhone 13 Pro Max, vỏ màu xanh, lắp sim số 0865.966.966, 01 xe máy Honda Wave Alpha, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-179.18 của Nguyễn Thế A, 01 điện thoại Iphone 6 Plus, vỏ màu hồng, lắp sim số 0936.553.275 của Bùi Văn Tr. Ngày 02/11/2023, Trung được Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập đến làm việc.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy của Trịnh Văn Th, Nguyễn Thế A, Bùi Văn Tr đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine. Riêng Th còn dương tính với chất ma túy Morphin.

Bản Kết luận giám định số: 540/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong coóng thủy tinh, được niêm phong trong phong bì đánh số ký hiệu 01, gửi đến giám định, là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Vật chứng: Đối với 01 bì thư niêm phong, bên trong là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa màu trắng, dán tem nhãn “BELMONS”, kích thước (25x6,5)cm, nắp chai nhựa màu trắng, 01 bật lửa gas màu đen, 01 điện thoại iPhone 6S Plus, lắp sim số 0966.960.113, 01 xe máy Yamaha Sirius, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-018.60, 01 điện thoại iPhone 13 Pro Max, vỏ màu xanh, lắp sim số 0865.966.966, 01 điện thoại Iphone 6 Plus, lắp sim số

0936.553.275 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra nhập kho vật chứng thuộc Công an huyện TK; đối với 01 xe máy Honda Wave Alpha, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-179.18, ngày 31/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại cho anh Nguyễn Thế A là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Cáo trạng số: 36/CT-VKSTK ngày 29 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ truy tố bị cáo Bùi Văn Tr về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trịnh Văn Th về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Ngày 03/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK có công văn số: 02/CV-VKSTK về việc đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa ngày 04/6/2024, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cần xem xét hành vi của bị cáo Trịnh Văn Th về một tội phạm khác nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án còn có đồng phạm khác nên đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm xác định lại tội danh của bị cáo Trịnh Văn Th có dấu hiệu của tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; xem xét làm rõ hành vi của Nguyễn Thế A có đồng phạm với Bùi Văn Tr về tội danh trên không? Làm rõ bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm những dụng cụ gì, của ai...và cho đối chất giữa bị cáo Tr, bị cáo Th và anh Thế A để có căn cứ xác định ai là người chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, ngày 28/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK có công văn số: 30/CV-VKSTK giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng trên đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TK để giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định nêu trên. Bị cáo Bùi Văn Tr ủy quyền cho bố để bị cáo là ông Bùi Văn Th, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận lại tài sản của bị cáo. Bị cáo Trịnh Văn Th ủy quyền cho anh trai bị cáo là anh Trịnh Văn Qu, sinh năm: 1968; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận lại tài sản của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn Tr phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; tuyên bố: bị cáo Trịnh Văn Th phạm tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Về hình phạt chính: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Tr; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo

Trịnh Văn Th; xử phạt: bị cáo Bùi Văn Tr từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2023; xử phạt: bị cáo Trịnh Văn Th từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2023. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy đối với 01 phong bì số: 540/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương bên trong chứa 01 coóng thủy tinh hình chữ "L" và 01 vỏ phong bì đánh số ký hiệu 01 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong dán kín có chữ ký và đóng dấu của bên có liên quan; 01 chai nhựa màu trắng, dán tem nhãn hiệu "BELMONS", kích thước (25x6,5)cm, nắp chai nhựa màu trắng; 01 bật lửa ga màu đen; trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus màu xám, lắp sim số 0966.960.113 và 01 xe máy Yamaha Sirius, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-018.60 do anh trai bị cáo là anh Trịnh Văn Qu, sinh năm: 1968; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận thay; trả lại cho anh Nguyễn Thế A 01 điện thoại Iphone 13 Pro max, vỏ màu xanh, lắp sim số 0865.966.966; trả lại bị cáo Bùi Văn Tr 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng, lắp sim số 0936.553.275 do bố đẻ bị cáo là ông Bùi Văn Th, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận thay *(đều có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện TK và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK ngày 22/4/2024)*. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Bùi Văn Tr và bị cáo Trịnh Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện cơ bản đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; với biên bản vụ việc, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu điều tra khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 01/11/2023, tại nhà thuê trọ của Trịnh Văn Th ở thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương, Bùi Văn Tr có hành vi cung cấp ma túy, loại Methamphetamine để tổ chức cho Nguyễn Thế A và Trịnh Văn Th sử dụng trái phép chất ma túy còn Trịnh Văn Th biết, đồng ý, cung cấp địa điểm và cùng sử dụng trái phép chất ma túy với Tr và Thế A tại phòng trọ của mình. Đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, bị tố công tác thuộc Công an huyện TK kiểm tra, phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo Bùi Văn Tr đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự nên bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TK truy tố về tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung: *"Đối với hai người trở lên"* là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với hành vi của bị cáo Trịnh Văn Th, căn cứ Công văn số: 89/TANDTC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp về nghiệp vụ thì: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện; cung cấp ma túy, điểm, phương tiện, dụng cụ...để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tại tiểu mục 7.3 mục 7 phần II Thông tư liên tịch số: 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định: *"Khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy cần phân biệt: a) Người có địa điểm cho người khác mượn hoặc thuê địa điểm mà biết là họ dùng địa điểm đó không phải để họ sử dụng chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ về sử dụng chất ma túy, mà dùng địa điểm đó để đưa chất ma túy trái phép vào cơ thể người khác, thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"...* Như vậy, Trịnh Văn Th có hành vi cung cấp địa điểm cho Tr, Thế A và Th sử dụng trái phép chất ma túy và cùng sử dụng trái phép chất ma túy với Tr và Thế A là một trong các hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo hướng dẫn trên nên hành vi của bị cáo Trịnh Văn Th phải được xác định là hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà không phải là hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trịnh Văn Th phạm tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung *"đối với hai người trở lên"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự mới đúng với tội danh mà bị cáo Th đã vi phạm. Viện kiểm sát nhân dân huyện TK truy tố Trịnh Văn Th về tội: *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma"*

túy" với tình tiết định khung tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự "Đối với hai người trở lên" là chưa phù hợp với hành vi mà bị cáo Th đã thực hiện. Mặc dù có văn bản và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cần xem xét hành vi của bị cáo Trịnh Văn Th về một tội phạm khác nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố nhưng sau đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng trên, căn cứ khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử có quyền xét xử đối với bị cáo Th về tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" với tình tiết định khung: "*Đối với hai người trở lên*" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự mới đảm bảo đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Ma túy không những hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác trong xã hội. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, giúp các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] *Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:* bị cáo Tr là người khởi xướng, chuẩn bị, cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy rồi rủ bị cáo Th và Thế A cùng sử dụng ma túy nên giữ vai trò chính. Bị cáo Th biết, đồng ý, cung cấp địa điểm để Tr và Thế A, cùng Tr và Thế A sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình nên giữ vai trò đồng phạm sau bị cáo Tr. Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Ngày 24/12/2013, bị cáo Tr bị Tòa án nhân dân huyện TK xử phạt 07 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2014 và nộp tiền án phí ngày 21/02/2014. Ngày 12/8/2016, Công an huyện TK xử phạt bị cáo Tr 2.000.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác, bị cáo nộp tiền phạt ngày 07/9/2016. Mặc dù các tiền án, tiền sự của bị cáo đã được xóa nhưng bị cáo vẫn có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Th có một tiền án, ngày 11/6/2021, Tòa án nhân dân huyện TK xử phạt bị cáo 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội: "*Đánh bạc*". Bị cáo chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/07/2022 nhưng chưa nộp tiền án phí, chưa nộp tiền phạt bổ sung, chưa nộp số tiền tịch thu sử dụng vào việc đánh bạc, chưa nộp tiền khấu trừ thu nhập 7% trong thời gian cải tạo không giam giữ nên bị cáo chưa được xóa tiền án. Như vậy, bị cáo Th đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bỏ để bị cáo Tr được tặng danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ; được Nhà nước tặng thưởng Huân chương

kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba; là thương binh loại A; bố đẻ bị cáo Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy vẫn cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Bị cáo Tr có vai trò chính còn bị cáo Th có vai trò sau bị cáo Tr nhưng bị cáo Th có nhân thân xấu hơn bị cáo Tr, vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc và quyết định hình phạt khi lượng hình đối với hai bị cáo cho phù hợp pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 phong bì số: 540/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương bên trong chứa 01 coóng thủy tinh hình chữ "L" và 01 vỏ phong bì đánh số ký hiệu 01 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong dán kín có chữ ký và đóng dấu của bên có liên quan; 01 chai nhựa màu trắng, dán tem nhãn hiệu "BELMONS", kích thước (25x6,5)cm, nắp chai nhựa màu trắng; 01 bật lửa ga màu đen là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng, không sử dụng được thì bị tịch thu, tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus màu xám, lắp sim số 0966.960.113 và 01 xe máy Yamaha Sirius, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-018.60 trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th; đối với 01 điện thoại Iphone 13 Pro max, vỏ màu xanh, lắp sim số 0865.966.966 trả lại cho anh Nguyễn Thế A; đối với 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng, lắp sim số 0936.553.275 trả lại cho bị cáo Bùi Văn Tr vì các bị cáo và anh Nguyễn Thế A không sử dụng vào việc phạm tội là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn Tr ủy quyền cho bố đẻ bị cáo là ông Bùi Văn Th, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận lại tài sản thay bị cáo; bị cáo Trịnh Văn Th ủy quyền cho anh trai bị cáo là anh Trịnh Văn Qu, sinh năm: 1968; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận lại tài sản thay bị cáo.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trịnh Văn Th, Bùi Văn Tr và Nguyễn Thế A, ngày 23/01/2024, Công an huyện TK ra Quyết định xử phạt vi hành chính số 06, 07, 08 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thế A không có hành vi cung cấp ma túy, không chuẩn bị công cụ phương tiện, địa điểm để cùng Tr, Th sử dụng trái phép chất ma túy

mà chỉ được Tr sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xem xét, xử lý Nguyễn Thế A đồng phạm với Tr và Th về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bà Nguyễn Thị V khi cho Th thuê nhà không biết Th dùng vào việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên bà V không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Đối với người bán ma túy cho Tr, kết thúc điều tra không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Tr và bị cáo Trịnh Văn Th; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn Th; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 3 Điều 298; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn Tr và Trịnh Văn Th phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn Tr 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2023.

Xử phạt: bị cáo Trịnh Văn Th 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy đối với 01 phong bì số: 540/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương bên trong chứa 01 coóng thủy tinh hình chữ “L” và 01 vỏ phong bì đánh số ký hiệu 01 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong dán kín có chữ ký và đóng dấu của bên có liên quan; 01 chai nhựa màu trắng, dán tem nhãn hiệu “BELMONS”, kích thước (25x6,5)cm, nắp chai nhựa màu trắng; 01 bật lửa ga màu đen; trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus màu xám, lắp sim số 0966.960.113 và 01 xe máy Yamaha Sirius, màu sơn trắng, gắn biển số 34E1-018.60 do anh trai bị cáo là anh Trịnh Văn Qu, sinh năm: 1968; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận thay; trả lại cho anh Nguyễn Thế A 01 điện thoại Iphone 13 Pro max, vỏ màu xanh, lắp sim số 0865.966.966; trả lại bị cáo Bùi Văn Tr 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng, lắp sim số 0936.553.275 do bố đẻ bị cáo là ông Bùi Văn Th, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn HH, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận thay (đều có đặc điểm theo Biên bản về việc giao

nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện TK và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK ngày 22/4/2024).

3. Về án phí: buộc bị cáo Bùi Văn Tr và bị cáo Trịnh Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Anh Trịnh Văn Qu;
- Ông Bùi Văn Th;
- VKSND huyện TK;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh